

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Dương và Ông Nguyễn Ngọc Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-TCDS ngày 15 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01A/2025/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S; địa chỉ: Số A đường N, phường T, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông SOMYOT NGERDAMRONG - Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông KANOKWATPAISAL N - Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Minh H, ông Trần Chính L; địa chỉ: Số C Q, phường B, tỉnh Quảng Trị (Số C Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết N1, sinh năm 2001; nơi cư trú: Xóm F, tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị (Xóm F, tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/7/2024, ông Nguyễn Viết N1 có đến chi nhánh Q - Ba Đồn 1 của Công ty cổ phần S Có Ngay (Sau đây gọi tắt là Công ty cổ phần S1) tại địa chỉ C Q, phường B, tỉnh Quảng Trị (Số C Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ) để ký hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể tại Hợp đồng số 1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024.

Theo Hợp đồng ký kết, tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 để lấy số tiền 10.797.872 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng (từ 10/7/2024 đến 10/01/2025); mức lãi suất 1,1%/tháng. Công ty cổ phần S1 đã giải ngân đủ số tiền theo hợp đồng cầm cố cho ông Nguyễn Viết N1.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên công ty cổ phần S1 có ký giấy cho ông Nguyễn Viết N1 thuê lại xe sử dụng. Trong thỏa thuận thuê tài sản có quy định thời hạn thuê xe từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/01/2025, địa điểm trả xe là chi nhánh Q. Ông N1 có cam kết rõ ràng trong thỏa thuận thuê tài sản “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá hạn hợp đồng, ông N1 không trả nợ cũng như xe máy cho công ty, mặc dù được Công ty cổ phần S1 nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện.

Nay Công ty cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Nguyễn Viết N1 thanh toán số tiền tính đến ngày 10/01/2025 là 14.533.934 đồng, trong đó: 10.797.872 đồng nợ gốc, 475.106 đồng lãi trong hạn, 712.659 đồng lãi quá hạn, 2.332.340 đồng phí thuê xe, 215.957 đồng phí quản lý hồ sơ.

Trường hợp ông Nguyễn Viết N1 không trả các khoản tiền trên thì đề nghị xử lý tài sản cầm cố là xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 để thu hồi nợ cho công ty.

Đối với ông Nguyễn Viết N1: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông N1 trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông N1 vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần S1 đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Viết N1 phải thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày xét xử 12/9/2025 tổng cộng số tiền là 22.940.075 đồng; trong đó: 10.797.872 đồng nợ gốc, 1.544.095 đồng lãi trong hạn, 2.316.142 đồng lãi quá hạn, 7.580.105 đồng phí thuê xe, 701.861 đồng phí quản lý hồ sơ và anh Nguyễn Viết N1 có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi và các khoản phí khác (nếu có) phát sinh kể từ ngày 13/9/2025 theo hợp đồng cầm cố tài sản số: A1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 được ký giữa các bên cho đến khi tất toán xong toàn bộ số tiền nợ. Trường hợp anh Nguyễn Viết N1 không trả các khoản tiền trên

thì đề nghị xử lý tài sản cầm cố là xe xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng để thu hồi nợ cho công ty.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Nguyễn Viết N1.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 307, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 đối với ông Nguyễn Viết N1; buộc ông N1 phải trả cho Công ty cổ phần S1 số tiền nợ gốc, lãi, phí và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số A1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 đến khi ông N1 thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông N1 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 để thu hồi nợ cho Công ty cổ phần S1. Buộc ông N1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần S1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn, quan điểm của Kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Công ty cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng cầm cố với ông Nguyễn Viết N1, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Viết N1 cư trú tại tổ dân phố T, phường B, tỉnh Quảng Trị (tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ), căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Về sự vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Viết N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty cổ phần S1 buộc ông Nguyễn Viết N1 phải trả số tiền nợ được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 12/9/2025, tổng cộng số tiền là 22.940.075 đồng; trong đó: 10.797.872 đồng nợ gốc, 1.544.095 đồng lãi trong hạn, 2.316.142 đồng lãi quá hạn, 7.580.105 đồng phí thuê xe, 701.861 đồng phí quản lý hồ sơ. Kể từ ngày 13/9/2025, ông N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số A1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 cho đến khi ông N1 thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp ông N1 không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165 do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 để thu hồi nợ cho Công ty cổ phần S1.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông N1 vẫn không đến theo triệu tập, không có lời khai cung cấp cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn để đánh giá, giải quyết vụ án.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn, thể hiện: ngày 10/7/2024, ông Nguyễn Viết N1 có đến chi nhánh Q - Ba Đồn 1 của Công ty cổ phần S1 để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo Hợp đồng số 1BM240701006NA24X được ký giữa các bên ngày 10/7/2024. Theo Hợp đồng ký kết, tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 để lấy số tiền 10.797.872 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng (từ 10/7/2024 đến 10/01/2025), mức lãi suất 1,1%/tháng. Công ty đã giải ngân đủ số tiền theo hợp đồng cầm cố cho ông Nguyễn Viết N1. Cũng tại Hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về lãi suất; thời hạn thanh toán khoản tiền cầm cố; các khoản phí; phạt vi phạm và bồi thường, xử lý tài sản cầm cố...Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên công ty cổ phần S1 có ký giấy cho ông N1 thuê lại xe sử dụng. Trong thỏa thuận thuê tài sản có quy định thời hạn thuê xe từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/01/2025, địa điểm trả xe là chi nhánh Q. Ông N1 có cam kết rõ ràng trong thỏa thuận thuê tài sản “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”. Quá hạn hợp đồng, ông N1 không trả nợ cũng như xe máy, mặc dù được Công ty nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện.

[2.4] Hội đồng xét xử thấy: Do đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết giữa các bên nên việc Công ty cổ phần S1 khởi kiện để yêu cầu ông N1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí liên quan đến số tiền đã nhận cầm cố là phù hợp quy định tại Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 307, 468, 470 Bộ luật dân và phù hợp với thỏa thuận đã được ký kết trong hợp đồng cầm cố tài sản số A1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 ký kết giữa Công ty cổ phần S1 với ông Nguyễn Viết N1 là có cơ sở. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S1 đối với ông Nguyễn Viết N1. Buộc ông N1 phải trả cho Công

ty cổ phần S1 số tiền nợ gốc đã nhận cầm cố, nợ lãi và phí được tính đến ngày xét xử 12/9/2025 tổng cộng số tiền là 22.940.075 đồng; trong đó: 10.797.872 đồng nợ gốc, 1.544.095 đồng lãi trong hạn, 2.316.142 đồng lãi quá hạn, 7.580.105 đồng phí thuê xe, 701.861 đồng phí quản lý hồ sơ. Kể từ ngày 13/9/2025, ông N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số 1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 được ký kết giữa ông N1 với Công ty cổ phần S1 cho đến khi ông N1 thanh toán xong khoản nợ.

Trong trường hợp ông Nguyễn Viết N1 không thanh toán được khoản nợ cầm cố cho Công ty cổ phần S1 thì tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 73 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303, 304 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần S1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được nhận lại tiền án phí đã nộp, buộc ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phù hợp để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 307, 468, 470 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với ông Nguyễn Viết N1, về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

1.1. Buộc ông Trần Viết N2 phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tính đến ngày xét xử 12/9/2025 tổng cộng số tiền là 22.940.075 đồng; trong đó: 10.797.872 đồng nợ gốc, 1.544.095 đồng lãi trong hạn, 2.316.142 đồng lãi quá hạn, 7.580.105 đồng phí thuê xe, 701.861 đồng phí quản lý hồ sơ.

1.2. Kể từ ngày 13/9/2025, ông Nguyễn Viết N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố tài sản số 1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 được ký kết giữa ông Nguyễn Viết N1 với Công ty cổ phần S Có Ngay cho đến khi ông Nguyễn Viết N1 thanh toán xong khoản nợ.

1.3. Trường hợp ông Nguyễn Viết N1 không thanh toán được các khoản tiền nợ cầm cố nêu trên cho Công ty cổ phần S Có Ngay thì tài sản cầm cố là chiếc xe máy, Biển kiểm soát 73K1-284.20, loại xe Wave Alpha, màu trắng, số khung RLHJA393XRY099571, số máy JA70E0409464, Giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 000165, do Công an tỉnh Q cấp ngày 01/7/2024 theo hợp đồng cầm cố tài sản số 1BM240701006NA24X ngày 10/7/2024 được ký kết giữa ông Nguyễn Viết N1 và Công ty cổ phần S sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, 303, 304 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm

2.1. Ông Nguyễn Viết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền được làm tròn số 1.147.000 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 363.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003542 ngày 10/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Ba Đồn.

3. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/9/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Anh Đức